

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## DÒNG THỜI GIAN TINH THẦN TRONG TIẾNG VIỆT LÊ THỊ CẨM VÂN\*

**TÓM TẮT:** Mỗi cộng đồng ngôn ngữ đều có nhận thức riêng về dòng thời gian. Nhận thức này thường được biểu đạt theo lối ẩn dụ qua phạm trù không gian. Trong bài báo này, trên cơ sở cứ liệu ngôn ngữ, chúng tôi phân tích đặc điểm của dòng thời gian tinh thần trong tiếng Việt. Kết quả phân tích cho thấy, tiếng Việt chỉ có dòng thời gian theo trục ngang, không có dòng thời gian theo trục dọc; các từ chỉ trục dọc trong tiếng Việt chỉ biểu đạt thời lượng, không biểu đạt dòng thời gian; trên trục ngang, tiếng Việt không tri nhận dòng thời gian theo trục trái - phải mà theo trục trước - sau; hướng của dòng thời gian là hướng từ sau ra trước, với sau chỉ quá khứ, trước chỉ tương lai.

**TỪ KHOẢ:** dòng thời gian tinh thần; thời gian; không gian; trục dọc; trục ngang; tiếng Việt  
**NHẬN BÀI:** 23/2/2023. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 05/06/2023

### 1. Dẫn nhập

**1.1.** Khái niệm dòng thời gian tinh thần (mental timeline), gọi tắt là dòng thời gian, được dùng để chỉ nhận thức mang tính không gian hoá của con người về thực thể thời gian với tư cách là một phạm trù trừu tượng [Ulrich, R. & Maienborn, L., 2010]. Dòng thời gian trải dài trên một trục không gian, chỉ có một hướng và kéo dài đến vô tận [Bender, A., & Beller, S., 2014]. Nó tồn tại như một trường tổng thể độc lập với vai trò của người quan sát. Dòng thời gian có thể được tri nhận là động hoặc tĩnh, trên đó người bản ngữ xác định thời điểm, thời đoạn, phối cảnh thời gian, xác lập quan hệ thời gian giữa các sự tình. Trong các ngôn ngữ tự nhiên, dòng thời gian được ý niệm hoá theo lối ẩn dụ là các thực thể trong không gian, chẳng hạn THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG, THỜI GIAN LÀ DÒNG CHẢY. Các ví dụ sau trong tiếng Anh là sự biểu đạt ngôn ngữ học của các ẩn dụ ý niệm này.

(1) a. *Time flows forever.*

b. *Summer follows spring.*

Ở (1a), thông qua cách dùng động từ *flow* (có nghĩa là trôi, chảy), chúng ta biết được người bản ngữ coi thời gian là dòng chảy vô tận. Ở (1b), với động từ *follow* (có nghĩa là đi theo sau một đối tượng đang chuyển động về phía trước), người bản ngữ cho thấy họ hình dung thời gian như con đường, mùa hè (summer) và mùa xuân (spring) là các thực thể chuyển động nối tiếp nhau trên con đường đó.

**1.2.** Cho đến nay, dòng thời gian tinh thần được nghiên cứu trên hai cấp độ: cấp độ ngôn ngữ và cấp độ tinh thần, với hai hướng: phân tích cứ liệu ngôn ngữ và phân tích thực nghiệm.

Ở cấp độ ngôn ngữ, phổ biến là dòng thời gian được tri nhận ẩn dụ phân bố theo trục ngang, trục trước - sau, với trước chỉ tương lai, sau chỉ quá khứ hoặc trước chỉ quá khứ sau chỉ tương lai [Bender, A., & Beller, S., 2014]; ngoài ra, ít phổ biến hơn là dòng thời gian được tri nhận theo phương thẳng đứng, trục trên - dưới với trên chỉ quá khứ, dưới chỉ tương lai, chẳng hạn, trong tiếng Quan Thoại [Sun, J. & Zhang, Q., 2020].

Ở cấp độ tinh thần, các phân tích thực nghiệm chỉ ra rằng dòng thời gian được tri nhận phổ biến trong các cộng đồng ngôn ngữ là phân bố theo trục ngang, trục trái - phải với quá khứ ở bên trái, tương lai ở bên phải, hướng của dòng thời gian là từ trái sang phải [Weger, U. W. & Pratt, J., 2008]; sự tri nhận này được cho là có sự tác động của lối viết và đọc chữ từ trái qua phải [Fuhrman, O., McCormick, K., Chen, E., Jiang, H., Shu, D., Mao, S., & Boroditsky, L., 2011]; theo đó, có sự tương ứng phổ biến trái/sau - phải/trước giữa cấp độ ý niệm và cấp độ ngôn ngữ trong tri nhận thời gian. Với các cộng đồng đọc và viết chữ từ phải sang trái, chẳng hạn người nói tiếng

\* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; Email: ltcvan.dhsp@hueuni.edu.vn

Ả Rập, tiếng Hebrew, dòng thời gian được tri nhận theo lối ngược lại, từ phải sang trái [Fuhrman, O., & Boroditsky, L., 2010]. Các công trình thực nghiệm cũng khẳng định sự tồn tại của dòng thời gian theo phương thẳng đứng, trục trên - dưới, điển hình là trong tiếng Quan Thoại [Fuhrman, O., McCormick, K., Chen, E., Jiang, H., Shu, D., Mao, S., & Boroditsky, L., 2011].

**1.3.** Dòng thời gian chưa từng được các nhà Việt ngữ học đặt thành đối tượng nghiên cứu khi phân tích về thời gian trong tiếng Việt. Trong bài báo *Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt qua các ẩn dụ không gian*, tác giả Nguyễn Hoà (2007) nhận định về hướng của dòng thời gian trong tiếng Việt được ý niệm hoá qua phạm trù không gian như sau: phía trước chỉ quá khứ (ví dụ: *tuần trước*), phía sau chỉ tương lai (ví dụ: *tháng sau*). Tuy nhiên, cứ liệu tiếng Việt cho phép có thêm nhận định khác.

**1.4.** Bài báo này hướng đến xác lập các đặc điểm của dòng thời gian trong tiếng Việt về trục, hướng, sự phân bố quá khứ, tương lai trên dòng thời gian. Các phân tích chủ yếu dựa trên cứ liệu lấy từ trang <https://s.ngonngu.net/corpus/>. Đó đều là các cứ liệu có chứa yếu tố chỉ không gian được chuyển nghĩa theo lối ẩn dụ sang chỉ thời gian. Trong quá trình phân tích, chúng tôi có liên hệ, đối chiếu tiếng Việt với ngôn ngữ khác để làm nổi bật đặc điểm của tiếng Việt.

## 2. Nội dung

### 2.1. Trục của dòng thời gian trong tiếng Việt

Ở cấp độ ngôn ngữ, dòng thời gian có thể phân bố theo trục ngang hoặc trục dọc [Sun, J. & Zhang, Q., 2020; Ulrich, R. & Maienborn, L., 2010; Yu, N., 2012]. Trong tính phổ biến của trục ngang trong các ngôn ngữ tự nhiên, giả thuyết được đặt ra là người Việt tri nhận dòng thời gian theo trục ngang. Mặt khác, người Việt hoàn toàn có khả năng tri nhận thời gian theo trục dọc, vì đó là thực tế đã được chứng minh là có trong các ngôn ngữ tự nhiên.

#### 2.1.1. Trục của dòng thời gian trong tiếng Việt xét từ các biểu đạt trục ngang

Xét các ví dụ sau trong tiếng Việt:

(1) *thời gian trôi; thời gian trôi qua cứ dài đằng đẵng.*

(2) *những năm tháng dài đằng đặc; trong một thời gian ngắn; suốt một thời gian dài; rút ngắn thời gian điều trị; kéo dài thời gian triển khai dự án.*

Có thể thấy, các ví dụ ở (1) biểu đạt thời gian với tư cách là thực thể trừu tượng, các ví dụ ở (2) biểu đạt thời đoạn. Cả (1) và (2) đều không sử dụng các yếu tố chỉ hướng như: *trước, sau, trái, phải, trên, dưới*. Tuy nhiên, các từ ngữ như: *trôi, dài, ngắn, dài đằng đặc, dài đằng đẵng, rút ngắn, kéo dài* cho biết rằng đối tượng mang đặc điểm do chúng biểu đạt phân bố theo trục ngang (theo trục dọc tiếng Việt sẽ dùng các diễn ngữ như: *chạy xuống, đổ xuống, cao, thấp*). Thời gian trừu tượng được người Việt định danh theo lối ẩn dụ *dòng thời gian*. Theo kết hợp ngữ nghĩa, ngữ pháp của *thời gian* với các yếu tố khác ở các ví dụ (1) và (2) thì dòng thời gian này hẳn nhiên phân bố theo trục ngang. Thêm nữa, sẽ là bất khả chấp nếu *thời gian* kết hợp với các yếu tố biểu thị trục dọc trong tiếng Việt, ví dụ: (3) *\*thời gian cao, \*thời gian thấp*.

Để biểu đạt một thời khoảng hoặc một sự tình thời gian theo lối ẩn dụ, tiếng Việt sử dụng phổ biến các từ như *sang, ra, qua, đến, tới*, ví dụ:

(4) *sang năm; sang tháng; ra năm; ra giêng; sắp đến Tết rồi.*

(5) *xuân vừa sang; hè đã đến; thu sắp qua; mùa đông đang tới; mùa thu đã qua.*

Đây đều là các động từ chỉ sự chuyển động theo trục ngang trong không gian. Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu chứa chúng đòi hỏi hai diễn tố: chủ thể chuyển động và lối đi/đích. Ngay cả khi tham tố bắt buộc được hiện thực hoá là vai đích thì chúng vẫn cho phép suy luận rằng sự tình chuyển động hữu quan diễn ra trên con đường (lối đi) nối điểm xuất phát với đích đến. Khi chuyển nghĩa sang chỉ thời gian, cấu trúc nghĩa này được bảo lưu. Chính vì vậy chúng ta thấy ở (4) người quan sát (Ego) chuyển động từ một thời điểm này sang một thời điểm khác, tương tự như đối tượng chuyển động từ một địa điểm này sang một địa điểm khác trong không gian. Ở (5), các mùa được xử lí là các thực thể chuyển động từ tương lai về hiện tại, vào quá khứ. Các chuyển động này diễn ra trong thời gian, do vậy thời gian đóng vai trò của lối đi, con đường. Việc sử dụng các động từ chuyển động đang xét để

biểu nghĩa thời gian do vậy phản ánh cái thực tế là tiếng Việt ý niệm hoá dòng thời gian theo trục ngang và THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG/LỐI ĐI trên đó phân bố các thời khoảng, thời điểm.

*Sang, qua, đến, tới* khi đi vào các kết cấu *từ... sang, từ... đến, từ... tới, từ... qua* biểu đạt khoảng cách giữa hai địa điểm trên trục ngang trong không gian. Khi chuyển sang biểu đạt thời khoảng, các kết cấu này cũng chuyển tải nhận thức dòng thời gian theo trục ngang trong tiếng Việt.

Trong tiếng Việt, chúng ta còn bắt gặp các biểu đạt thời điểm như:

(6) *đầu năm, giữa năm, cuối năm, năm cùng tháng tận, đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng, đầu ngày, giữa ban ngày ban mặt, cuối ngày, v.v.*

Các biểu đạt này, thoát nhìn, có vẻ không mang thông tin gì về dòng thời gian. Tuy nhiên, nếu đặt chúng cạnh nhau và so sánh với các biểu đạt quy chiếu không gian như (7), sẽ thấy trong hệ thống chuyển di phạm trù từ không gian sang thời gian, chúng biểu đạt các thời điểm phân bố theo trục ngang, do chỗ các định vị không gian vừa dẫn đều được nhận thức là phân bố trên mặt phẳng ngang:

(7) *đầu làng, giữa làng, cuối làng, cuối bãi, đầu thôn, cuối xóm, đầu sông, cuối sông, đầu đường, giữa khúc cua, cuối ngõ, v.v.*

Để biểu đạt hai trục ngang trước - sau (sagittal axis), trái - phải (lateral axis) trong không gian, tiếng Việt có các từ *trước, sau, trái, phải*. Tuy nhiên không có bất kì trường hợp nào các từ *trái, phải* được sử dụng để biểu đạt thời gian trong tiếng Việt. Ngược lại, các từ *trước, sau* được sử dụng rất phổ biến. Ví dụ:

(8) *năm trước, năm sau, hôm trước, hôm sau, ngày trước, ngày sau, mai sau, thời trước, kì trước, bữa trước, v.v.*

Thực tế này cùng những phân tích ở trên cho thấy, ở cấp độ ngôn ngữ, tiếng Việt ý niệm hoá dòng thời gian theo trục ngang, trục trước - sau và ngôn ngữ này phong phú các biểu đạt dòng thời gian theo trục ngang.

### 2.1.2. Trục của dòng thời gian trong tiếng Việt xét từ các biểu đạt trục dọc

Để trả lời câu hỏi tiếng Việt có biểu đạt ý niệm dòng thời gian theo trục dọc hay không, trong phần này, bài viết xem xét ý nghĩa thời gian của các từ chỉ trục dọc trong tiếng Việt và so sánh một số biểu đạt thời gian trong tiếng Việt với tiếng Quan Thoại - một ngôn ngữ được khẳng định là có tư duy thời gian theo trục dọc - để làm rõ trục của dòng thời gian trong tiếng Việt.

Các từ chỉ trục dọc không gian trong tiếng Việt là: *trên, dưới, lên, xuống, cao, thấp*. Ngữ liệu khảo sát cho thấy không có bất kì diễn ngữ nào có chứa *cao, thấp* được chuyển nghĩa để biểu đạt thời gian trong ngôn ngữ này. Các từ *trên, dưới, lên, xuống* có tham gia biểu đạt thời gian nhưng chỉ với ý nghĩa thời lượng. Chúng có thể chỉ sự tăng, đạt đến một thời lượng như ở ví dụ (9a) hoặc giảm về thời lượng như ở ví dụ (9b):

(9) a. *Đối với khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ VietinBank eFAST, khi giới thiệu khách hàng mới đăng ký eFAST tài chính sẽ được miễn phí chuyển khoản VND trong và ngoài hệ thống VietinBank lên tới 24 tháng.*

b. *Vị cựu bộ trưởng bị buộc tội hỗ trợ kẻ thù chiến tranh nhưng đã nhận tội để được giảm án xuống còn 11 năm tù.*

Hoặc chỉ tình trạng vượt quá (như ở ví dụ (10a, b)), tình trạng chưa đạt đến (như ở ví dụ (10c)) một thời lượng được lấy làm chuẩn:

(10) a. *Theo Quyết định của Bộ Giao thông, khi máy bay chậm trên 20 phút thì cứ 15 phút hãng hàng không phải thông báo, xin lỗi hành khách. Nếu chậm trên 2h, phải phục vụ nước uống, trên 3h phục vụ đồ ăn, trên 6h phục vụ chỗ nghỉ, trên 12h phải đổi chuyến cho hành khách.*

b. *Có hiệu lực từ 8/10, Thông tư 113 của Bộ Quốc phòng quy định chế độ nghỉ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng là (...) 30 ngày (từ đủ 25 năm phục vụ trở lên).*

c. *Trên đường chạy chung kết 200 mét hôm qua, Bolt chưa thể đạt ước nguyện trở thành người đầu tiên đạt thành tích dưới 19 giây.*

*Trên, dưới, lên, xuống* tuyệt nhiên không biểu đạt thời điểm, định vị thời khoảng, do vậy mà không thể suy ý về dòng thời gian từ biểu thức chứa chúng.

Khi muốn biểu đạt một thời điểm được chuyển dịch về quá khứ, một sự tình diễn ra sớm hơn so với dự kiến, kế hoạch ban đầu, người Việt có thể nói:

(11) *Cuộc họp được dời lên trước hai ngày.*

mà không thể nói:

(12) \**Cuộc họp được dời lên hai ngày.*

Ví dụ (11) có sử dụng từ chỉ trực đọc *lên*, tuy nhiên trong trường hợp này *trước* (chỉ tổ trực ngang) mới là yếu tố chỉ dẫn hướng dịch chuyển trên dòng thời gian. Chính vì *lên* không đảm nhiệm được vai trò này nên một diễn ngữ như ở (12) là bất khả chấp trong tiếng Việt. Mặt khác, người viết cho rằng từ *lên* chuyển nghĩa chỉ thời gian ở trường hợp này là từ *lên* biểu đạt cách định hướng không gian tương tượng trên trục ngang của người Việt, như trong cách nói *Ngồi lên phía đầu giường*. Lý Toàn Thắng cho đây là hệ quả của hiện tượng “lập úp” 90 độ của trục định hướng theo phương thẳng đứng xuống phương nằm ngang trong tiếng Việt [2005, tr.98-99]. Theo đó từ *lên* ở trường hợp này là chỉ tổ của trục ngang chứ không còn là chỉ tổ của trục dọc. Ở chiều ngược lại, để phản ánh một thời điểm được dịch chuyển về phía tương lai, người Việt có thể nói:

(13) *Theo Ban tổ chức, do ảnh hưởng kéo dài của dịch COVID-19, lễ trao giải thưởng Cánh diều năm 2021 phải lùi lại đến giữa năm 2022.*

Hoàn toàn không có chỉ tổ trực dọc trong mô thức biểu đạt ý nghĩa thời gian này. Ngay cả *sau*, vốn đối lập với *trước*, cũng không được người Việt sử dụng ở đây. Mặc dù vậy, sự hiện diện của *lùi*, một từ mà cấu trúc nghĩa của nó đã bao hàm nét nghĩa chỉ hướng dịch chuyển ra sau một thời điểm (vốn chỉ hướng dịch chuyển về phía sau của người quan sát), trong trường hợp này là về phía tương lai, đã đủ để đảm trách vai trò đánh dấu sự biểu đạt dòng thời gian theo trục ngang trong cách nói chuyển dịch thời điểm của người Việt.

Tiếng Việt có kết hợp *trên dưới* để biểu thị ý nghĩa ước chừng, chẳng hạn *trên dưới năm ngày*. Tuy nhiên, tâm tác động của *trên dưới* trong ví dụ này là lên yếu tố biểu nghĩa số lượng (*năm*) chứ không phải lên yếu tố chỉ đơn vị thời gian, mặt khác ý nghĩa của cả kết hợp là ý nghĩa thời lượng, do vậy *trên dưới* không biểu đạt gì về dòng thời gian.

Như vậy cứ liệu ngôn ngữ vừa phân tích cho thấy người Việt không tư duy dòng thời gian theo trục dọc. Khẳng định này phần nào được củng cố hơn nếu chúng ta so sánh các biểu đạt thời gian trực dọc trong tiếng Quan Thoại với các biểu đạt thời gian tương đương trong tiếng Việt.

Tiếng Quan Thoại có các kết hợp biểu đạt thời điểm, thời khoảng có chứa từ chỉ trực dọc: quá khứ và các thời điểm sớm hơn được biểu đạt bằng 上 (thượng; trên/lên), tương lai và các thời điểm muộn hơn được biểu đạt bằng 下 (hạ, dưới/xuống); chính vì vậy ngôn ngữ này được coi là có dòng thời gian theo trục dọc [Sun, J. & Zhang, Q., 2020; Yu, N., 2012]. Tuy nhiên, khi đối chiếu các kết hợp này với yếu tố tương đương trong tiếng Việt, chúng ta sẽ thấy thực tế ngôn ngữ đi ngược lại giả thuyết dòng thời gian theo trục dọc trong tiếng Việt. Quan sát bảng dưới đây sẽ thấy điều đó.

Tiếng Quan Thoại	Tiếng Việt	Tiếng Quan Thoại	Tiếng Việt
上 星期 (trên tuần)	<i>tuần trước</i>	上 年度 (trên năm)	<i>năm trước</i>
下 星期 (dưới tuần)	<i>tuần sau</i>	下 年度 (dưới năm)	<i>năm sau</i>
上 上 星期 (trên trên tuần)	<i>tuần trước nữa</i>	上 上 年度 (trên trên năm)	<i>năm trước nữa</i>
下 下 星期 (dưới dưới tuần)	<i>tuần sau nữa</i>	下 下 年度 (dưới dưới năm)	<i>năm sau nữa</i>

Trong bảng trên, các biểu đạt thời gian trong tiếng Quan Thoại có cùng quy tắc cấu tạo: chúng đều là các kết hợp gồm yếu tố chỉ trực dọc được dùng theo lối ẩn dụ và yếu tố chỉ đơn vị thời gian; trong khi đó, với tiếng Việt là yếu tố chỉ đơn vị thời gian và yếu tố chỉ trục ngang. Ngoài đơn vị tuần và năm, các đơn vị tháng, học kì, v.v. trong tiếng Quan Thoại cũng có cách cấu tạo tương tự. Như vậy tương ứng với yếu tố biểu nghĩa trục dọc trong tiếng Quan Thoại là yếu tố biểu nghĩa trục ngang trong tiếng Việt. Điều này có nghĩa là có sự khác biệt trong tư duy về dòng thời gian giữa hai ngôn

ngữ: tương ứng dòng thời gian trực dọc trong tiếng Quan Thoại là dòng thời gian trực ngang trong tiếng Việt.

Những phân tích ở trên cho phép kết luận rằng dòng thời gian trong tiếng Việt phân bố theo trục ngang, trực trước - sau, không có sự tồn tại của dòng thời gian theo trục dọc trong tiếng Việt.

## 2.2. Hướng của dòng thời gian và sự phân bố quá khứ - tương lai trên dòng thời gian trong tiếng Việt

Các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau có thể khác nhau trong cách tri nhận hướng của dòng thời gian. Các nghiên cứu trên cứ liệu ngôn ngữ chỉ ra rằng theo trục trước - sau, dòng thời gian có thể hướng từ sau ra trước (ví dụ như trong tiếng Anh, tiếng Thụy Điển) hoặc hướng từ trước ra sau (như trong tiếng Đức, tiếng Hebrew, tiếng Ai Cập, tiếng Quan Thoại) [Bender & Beller, 2014]. Tiếng Việt thuộc trường hợp nào trong hai trường hợp trên? Xét các ví dụ sau trong tiếng Việt:

(14) a. *Chúng tôi phải chạy đua với thời gian, với “tử thần” để giành lại sự sống cho cháu.*

b. *Khác với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, hai thành phố có nhịp sống sôi động, hiện đại, Hội An là nơi đưa du khách đi ngược dòng thời gian, trở về với quá khứ.*

Ở ví dụ (14a), chúng tôi là chủ thể của hành động chạy đua với thời gian. Khi chạy, hướng vận động của chủ thể là hướng về phía trước. Trong logic đó, thời gian - đối tượng cùng chạy đua - hẳn nhiên là đang tiến về phía trước, cùng chiều với chúng tôi. Như vậy thời gian trừu tượng trong tri nhận của người Việt là vận động về phía trước. Ở ví dụ (14b), chủ thể du khách không vận động cùng chiều với thời gian. So sánh với cách nói *đi ngược dòng người*, ta sẽ thấy dòng người đang vận động về phía trước, chủ thể đi ngược dòng người là đang vận động về phía sau của dòng người, như vậy đi ngược dòng thời gian cũng là vận động về phía sau của dòng thời gian. Ví dụ (14b) cũng cho biết rằng các sự tình ở phía ngược lại hướng chuyển động của dòng thời gian thuộc về quá khứ, như vậy sau tương ứng với quá khứ, trước tương ứng với tương lai.

Với các ví dụ (14), hướng của dòng thời gian được hiểu hàm ẩn. Hướng của dòng thời gian trong tiếng Việt cũng có thể được biểu đạt hiển ngôn như trong ví dụ sau:

(15) a. *Đặc biệt, chị là người phụ nữ bản lĩnh, nghị lực, (...), luôn hướng về tương lai phía trước.*

b. *Con nên bỏ lại quá khứ phía sau để nhìn về tương lai (...).*

Sự hiện diện của các từ *trước*, *sau* ở các ví dụ (15) cho thấy tiếng Việt đồ chiếu tương lai lên phía trước người quan sát, quá khứ lên phía sau người quan sát. Khác với ví dụ (14), nơi thời gian được tri nhận như một trường tổng thể trên đó các sự tình diễn ra, ở (15), người quan sát là trung tâm trực chỉ để phân định tương lai và quá khứ trên dòng thời gian. Dòng thời gian do vậy được tri nhận là dòng thời gian trực chỉ.

Trong dòng thời gian thời gian trực chỉ:

Các thời điểm, thời khoảng được biểu đạt ở (16) sẽ ở phía trước người quan sát:

(16) *năm tới, tháng tới, tuần tới, v.v..*

Các thời điểm, thời khoảng được biểu đạt ở (17) sẽ ở phía sau người quan sát:

(17) *năm qua, tuần qua, những ngày tháng qua, quá khứ đã qua, v.v..*

Các biểu đạt ở (16), (17) đều gắn với phối cảnh thời gian chuyển động, người quan sát đứng yên, hướng về phía tương lai. Với (16), các thời điểm, thời khoảng vận động từ tương lai về phía người quan sát. Với (17), thời điểm, thời khoảng đã vượt qua người quan sát, đi vào quá khứ. Ở phạm trù không gian, *qua*, *tới* vốn không mang nét nghĩa chỉ hướng, tuy nhiên khi trở thành phương tiện biểu đạt thời gian, chúng ta có thể xác định hướng đồ chiếu cho chúng: *qua* tương ứng với sau, *tới* tương ứng với trước. Sự chuyển đổi này, theo chúng tôi, có nguyên do là không gian được người Việt tri nhận nghiệm thân có 3 trục (trên - dưới, trái - phải, trước - sau) trong khi thời gian chỉ có một trục (trước - sau) với trước chỉ tương lai, sau chỉ quá khứ, *qua* biểu nghĩa quá khứ nên tương ứng với trước, *tới* biểu nghĩa tương lai nên tương ứng với sau.

Trên dòng thời gian trực chỉ, người Việt cũng định danh các thời điểm, thời khoảng ở tương lai và quá khứ bằng các kết hợp như:

(18) a. *Hôm trước, tuần trước, tháng trước, năm trước, ngày trước, v.v.*

b. *Hôm sau, tuần sau, tháng sau, năm sau, ngày sau, v.v.*

So sánh với (15), chúng ta thấy *trước*, *sau* ở ví dụ này (cũng như ở ví dụ (8) và ở bảng so sánh tiếng Việt và tiếng Quan Thoại) biểu đạt nghĩa thời gian ngược lại: *trước* chỉ quá khứ, *sau* chỉ tương lai. Điều này có nghĩa là *trước* trong tiếng Việt vừa có thể biểu nghĩa quá khứ vừa có thể biểu nghĩa tương lai, ngược lại, *sau* vừa có thể biểu nghĩa tương lai vừa có thể biểu nghĩa quá khứ<sup>1</sup>.

Cách sử dụng của các từ *trước*, *sau* với nghĩa thời gian như ở ví dụ (18) luôn đi với sự tĩnh thời gian tính. Chúng gắn với mốc quy chiếu trực chỉ (ở đây là hiện tại chủ quan của người quan sát được biểu đạt qua các kết hợp như: *hôm nay*, *tuần này*, *tháng này*, *năm này*, *ngày nay*, v.v.). Sự phân bố của chúng trên dòng thời gian không làm thay đổi hướng của dòng thời gian trong tiếng Việt như được xác định qua phân tích các ví dụ (14), (15), (16), (17). Vì người Việt cũng tri nhận người quan sát vận động ngược chiều với hướng của dòng thời gian (như ở ví dụ 14b), tức phía trước của người quan sát hướng về quá khứ, giống như hình ảnh người quan sát ở (18). Mặt khác sự tồn tại của dòng thời gian là độc lập với vai trò của người quan sát (ví dụ (14) chứng minh điều này), dù người quan sát có được tri nhận như một trung tâm trực chỉ hay không; nó cũng độc lập với thời điểm và thời khoảng phân bố trên nó (tương tự như các thực thể không gian độc lập với con đường, lối đi mà chúng hiện diện hoặc chuyển động trên đó) dù thời điểm và thời khoảng có được tri nhận là vận động hay không (như ở ví dụ (16), (17), (18)).

Điểm khác giữa (15) và (18) là: ở (18), người Việt tri nhận giống người Aymara<sup>2</sup>: quá khứ ở phía trước vì đó là những gì họ đã thấy, đã biết, đã trải qua; tương lai ở phía sau vì đó là những gì họ chưa biết, chưa thấy, tương tự việc con người không thể nhìn thấy những gì ở phía sau lưng mình; người quan sát ở (18) do vậy là người chứng kiến; trong khi ở (15), con người xuất hiện với tư cách là thực thể vận động trong dòng thời gian.

Từ những phân tích về trực, hướng và sự phân bố quá khứ - tương lai trên dòng thời gian, chúng ta có thể kết luận rằng: dòng thời gian tinh thần trong tiếng Việt phân bố theo phương ngang, trực trước - sau với trước chỉ tương lai, sau chỉ quá khứ; không có dòng thời gian theo trục dọc trong tiếng Việt.

### 3. Kết luận

Các phân tích về dòng thời gian tinh thần trên cứ liệu tiếng Việt cho thấy người Việt sử dụng các kinh nghiệm và nhận thức về không gian để tri nhận thời gian. Người Việt không tri nhận thời gian theo trục dọc, ngôn ngữ của họ chỉ cấu trúc dòng thời gian tinh thần theo trục ngang, trực trước - sau với trước chỉ tương lai, sau chỉ quá khứ. Các từ chỉ trực trái - phải, trên - dưới không dùng để biểu đạt dòng thời gian trong tiếng Việt.

Trong bài báo này, chúng tôi chỉ mới tập trung phân tích dòng thời gian trong tiếng Việt ở cấp độ ngôn ngữ. Cần có thêm các nghiên cứu thực nghiệm để có cái nhìn đầy đủ hơn về tri nhận dòng thời gian của cộng đồng ngôn ngữ này.

#### Chú thích:

<sup>1</sup> Nhận định này cũng đã được các tác giả Nguyễn Văn Hán (2011), Trần Văn Minh (2015) đưa ra khi phân tích về thời gian trong tiếng Việt. Tuy nhiên, thực tế, người Việt còn phân biệt ý nghĩa quá khứ/tương lai của *trước*, *sau* chi tiết hơn. Trong một bài báo khác, chúng tôi đã phân tích là các từ *trước*, *sau* không chỉ biểu đạt nghĩa quá khứ hoặc tương lai mà còn là biểu đạt khúc đoạn nào ở quá khứ và tương lai. Trong quy chiếu với một mốc thời gian ở quá khứ, *trước* chỉ thời gian từ mốc đó về phía quá khứ, sau chỉ thời gian từ mốc đó về phía thời điểm phát ngôn; trong quy chiếu với một mốc thời gian ở tương lai, *trước* chỉ thời khoảng từ mốc đó về phía thời điểm phát ngôn, *sau* chỉ thời khoảng từ mốc đó về phía tương lai. (Để biết cụ thể hơn về điều này, xin xem bài của Lê Thị Cẩm Vân, Trương Thị Nhân (2022).

<sup>2</sup> Theo phân tích của Moore, người quan sát (Ego) trong tiếng Aymara đối diện với quá khứ, quá khứ ở phía trước Ego; các thời điểm sớm hơn, theo lối ẩn dụ, ở phía trước các thời điểm muộn hơn (Moore, K. E., 2011).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Hán (2011), *Định vị thời gian trong tiếng Việt dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận (so sánh với tiếng Anh)*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hoà (2007), "Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt qua các ẩn dụ không gian". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 7, tr.1-8.
3. Trần Văn Minh (2015), "Cách biểu đạt "trước/sau" trong tri nhận thời gian của tiếng Việt". Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, 10 (240), tr.125-128.
4. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
5. Lê Thị Cẩm Vân, Trương Thị Nhân (2022), "Sự đồ chiếu từ không gian lên thời gian trong tiếng Việt". Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, 2 (322), tr.14-22.

## Tiếng Anh

6. Bender, A., & Beller, S. (2014), *Mapping spatial frames of reference onto time: a review of theoretical accounts and empirical findings*. *Cognition*, 132: 342-382. DOI: 10.1016/j.cognition.2014.03.016.
7. Fuhrman, O., & Boroditsky, L. (2010), *Cross-cultural differences in mental representations of time: evidence from an implicit nonlinguistic task*. *Cognitive Science*, 34(8):1430-1451. <https://doi.org/10.1111/j.1551-6709.2010.01105.x>.
8. Fuhrman, O., McCormick, K., Chen, E., Jiang, H., Shu, D., Mao, S., & Boroditsky, L. (2011), *How linguistic and cultural forces shape conceptions of time: English and Mandarin time in 3D*. *Cognitive Science* 35(7): 1305-1328. <https://doi.org/10.1111/j.1551-6709.2011.01193.x>
9. Moore, K. E. (2011), *Ego-perspective and field-based frames of reference: Temporal meanings of FRONT in Japanese, Wolof, and Aymara*. *Journal of Pragmatics*, 43(3): 759-776. DOI: 10.1016/j.pragma.2010.07.003.
10. Sun, J. & Zhang, Q. (2020), *How do Mandarin speakers conceptualize time? Beyond the horizontal and vertical time dimensions*. *Cognitive Processing*, Online version. DOI: 10.1007/s10339-020-00987-3.
11. Weger, U. W. & Pratt, J. (2008), *Time flies like an arrow: Space-time compatibility effects suggest the use of a mental timeline*. *Psychonomic Bulletin & Review*, 15 (2): 426-430.
12. Ulrich, R. & Maienborn, L. (2010), *Left-right coding of past and future in language: The mental timeline during sentence processing*. *Journal of Cognition*, Volume 117, Issue 2, Pages 126-138. <https://doi.org/10.1016/j.cognition.2010.08.001>.
13. Yu, N. (2012), 'The metaphorical orientation of time in Chinese'. *Journal of Pragmatics*, 44, 1335-1354.

## Mental timeline in Vietnamese

**Abstract:** Each language community has their perception of the timeline. The timeline is often expressed metaphorically as space. In this paper, based on linguistic data, we analyze the characteristics of the mental timeline in Vietnamese. The analysis results show that Vietnamese only has a horizontal timeline, no vertical timeline; words indicating vertical axis in Vietnamese only express duration, not timeline; Vietnamese does not cognize the timeline according to the lateral axis but the sagittal axis; the direction of the timeline is spatially back to front, with back mapping on the past, front mapping on the future.

**Keywords:** mental timeline; time; space; vertical axis; sagittal axis; Vietnamese.